

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Ông Bùi Khắc Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Sỹ Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐ-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 22, đường 193, tổ 7, ấp 2, xã B huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chiến N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Xuân có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Chiến N tự nguyện kết hôn năm 2005 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại huyện Cũ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình sinh sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì thương

con nên chị đã cố gắng níu giữ hạnh phúc gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn giữa anh chị ngày một sâu sắc và không thể hòa giải được. Đến năm 2020, anh N đã về quê ở xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh N, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Chiến N.

Về con chung: Chị xác định chị và anh N có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoài N sinh ngày 29/5/2007, cháu Nguyễn Linh Đ sinh ngày 06/8/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị kể từ khi vợ chồng chị sống ly thân. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai cháu vì các cháu đang sinh sống và đi học ổn định cùng chị tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay chị mở quán bán hàng tạp hóa ở Tổ 7, ấp 2, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập bình quân một tháng khoảng từ 10 – 12 triệu đồng, đủ khả năng nuôi các cháu ăn học và sinh hoạt, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, còn anh N tự nguyện cấp dưỡng hay không thì tùy.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Nguyễn Hoài N và cháu Nguyễn Linh Đ: Các cháu không muốn bố mẹ ly hôn, tuy nhiên nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu xin ở với mẹ, vì các cháu đang học ổn định tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Chiến N: Mặc dù anh N nhận trực tiếp các Thông báo và giấy báo của Tòa án, tuy nhiên anh N không đến Tòa án làm việc trực tiếp cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Ngày 28/3/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án đã báo gọi anh N nhiều lần, tuy nhiên anh N vắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N và giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị X. Xử lý hôn giữa Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Chiến N.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao hai cháu Nguyễn Hoài Nsinh ngày 29/5/2007, cháu Nguyễn Linh Đsinh ngày 06/8/2012, hiện nay hai cháu đang ở cùng Chị Xcho Chị Xtiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Xuân.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh

Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị X và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Chị X và anh N thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân thời gian dài. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị X với anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị X và anh N có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoài N sinh ngày 29/5/2007, cháu Nguyễn Linh Đ sinh ngày 06/8/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị X. Chị X có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị X khỏe mạnh, có công việc ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của cả hai cháu. Mặt khác cháu Nguyễn Hoài N và cháu Nguyễn Linh Đ có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với chị X. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoài N và cháu Nguyễn Linh Đ cho Chị X trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị X. Xử lý hôn giữa Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Chiến N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hoài Nsinh ngày 29/5/2007 và cháu Nguyễn Linh Đsinh ngày 06/8/2012 (hiện đang ở với chị Xuân) cho Chị Lê Thị X tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Nguyễn Chiến N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Lê Thị X.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003565 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Chiến N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Gi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH